

Bất bình đẳng giới giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay

(Qua khảo sát tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội)

Vũ Thị Thanh

Viện Nghiên cứu Con người

Tóm tắt: Thông qua kết quả nghiên cứu định lượng (khảo sát bằng bảng hỏi đối với 369 đại diện hộ gia đình được lựa chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống) và định tính (bao gồm 4 thảo luận nhóm và 12 phỏng vấn sâu đối với người dân chia đều cho hai giới) tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, bài viết xem xét tình trạng bất bình đẳng giữa vợ và chồng trên hai góc độ là Phân công lao động giữa vợ và chồng và Quyền ra quyết định trong gia đình. Bài viết cho thấy có khoảng cách khá lớn về mức độ thực hiện các công việc trong gia đình giữa vợ và chồng cũng như tình trạng bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc đưa ra những quyết định quan trọng trong gia đình. Bài viết khẳng định ảnh hưởng của mô hình sống, số con trong gia đình và nghề nghiệp của vợ/chồng tới tình trạng bất bình đẳng giới ở Phù Linh nói riêng và nông thôn Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Bất bình đẳng giới; Phân công lao động gia đình; Ra quyết định trong gia đình.

1. Bất bình đẳng trong phân công lao động giữa vợ và chồng

1.1 Trong công việc gia đình

Nội trợ trong gia đình là công việc diễn ra hàng ngày, đòi hỏi người thực hiện phải dành một khoảng thời gian không nhỏ để hoàn tất. Kết quả

khảo sát ở xã Phù Linh cho thấy vẫn còn những biểu hiện bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong thực hiện các công việc nội trợ. Tỷ lệ người chồng tham gia vào công việc này hầu như không đáng kể, đặc biệt vào thời điểm mới kết hôn. Cho tới nay, tỷ lệ này tuy đã được cải thiện nhưng nhìn chung, mức chênh giữa vợ và chồng vẫn còn đáng quan ngại.

Khi mới kết hôn, đa số phụ nữ phải đảm nhiệm chính các công việc nội trợ như nấu cơm, rửa bát, dọn nhà, giặt giũ, v.v. Cụ thể, trong tổng số 369 trường hợp được hỏi, tỷ lệ trả lời vợ đảm nhiệm chính lần lượt là: rửa bát 89,7% (331 trường hợp), giặt giũ 87,0% (321 trường hợp), nấu cơm 82,1% (303 trường hợp), dọn dẹp nhà cửa 78,9% (291 trường hợp) và mua thức ăn 74,3% (274 trường hợp). Riêng đối với việc giữ tiền chi tiêu cho gia đình, tỷ lệ phụ nữ đảm nhiệm công việc này thấp hơn (196 trường hợp, chiếm 53,1%) do có sự chia sẻ của những người khác trong gia đình, ví dụ như bố mẹ chồng (90 trường hợp, chiếm 24,4%). Tỷ lệ nam giới đảm nhiệm các công việc nội trợ trong gia đình trong giai đoạn này thấp hơn rất nhiều, hầu hết ở mức dưới 3%, ngoại trừ công việc giữ tiền chi tiêu trong gia đình (Bảng 1). So sánh mức độ thực hiện các công việc trong gia đình giữa vợ và chồng, kết quả cho thấy người vợ phần lớn phải thực hiện các công việc nội trợ ở mức hàng ngày/tuần. Trong khi đó, hơn một nửa số lượng người chồng không làm các loại công việc như giữ tiền chi tiêu trong gia đình, mua thức ăn hay rửa bát. Đối với các công việc như nấu cơm, dọn nhà và giặt giũ, người chồng tuy có tham gia nhưng với tỷ lệ rất khiêm tốn (Bảng 2).

Bảng 1. Người chủ yếu làm các công việc gia đình khi mới kết hôn (%)

Phân công lao động	Vợ	Chồng	Hai vợ chồng	Những người khác
Giữ tiền chi tiêu	53,1	10,8	9,8	26,3
Mua thức ăn	74,3	3,0	2,7	20,1
Nấu cơm	82,1	2,4	6,8	8,7
Rửa bát	89,7	1,1	4,6	4,6
Dọn nhà	78,9	3,0	11,4	6,8
Giặt giũ	87,0	1,6	7,3	4,1

Bảng 2. Mức độ thực hiện những công việc gia đình giữa vợ và chồng khi mới kết hôn (%)

Phân công lao động	Vợ				Chồng			
	Hàng ngày/tuần	Hàng tháng	Hàng năm	Không làm	Hàng ngày/tuần	Hàng tháng	Hàng năm	Không làm
Giữ tiền chi tiêu cho gia đình	56,9	12,5	8,7	22,0	18,2	12,2	18,7	50,9
Mua thức ăn	71,5	11,1	6,8	10,6	7,0	9,2	29,5	54,2
Nấu cơm	79,7	13,8	3,0	3,5	10,3	15,2	35,0	39,6
Rửa bát	84,8	8,9	3,3	3,0	6,3	9,2	33,7	50,8
Dọn nhà	79,7	12,2	6,2	1,9	12,5	17,9	32,0	37,4
Giặt giũ	85,6	9,2	2,7	2,4	9,2	14,4	32,6	43,8

Yếu tố về thời gian kết hôn cũng ảnh hưởng tới mức độ tham gia thực hiện công việc gia đình giữa vợ và chồng khi mới kết hôn. Trong 370 hộ gia đình, tỷ lệ cặp vợ chồng kết hôn từ năm 1980 trở về trước chiếm 26,8%; kết hôn từ năm 1981 đến 1990 chiếm 36,3% và kết hôn sau năm 1990 chiếm 36,9%. Điều thú vị khi so sánh thời gian kết hôn với việc thực hiện công việc gia đình là đối với những cặp vợ chồng trẻ (kết hôn sau năm 1990), tỷ lệ người vợ thường xuyên giữ tiền chi tiêu và mua thức ăn cao hơn hẳn những cặp vợ chồng cao tuổi (kết hôn từ năm 1980 trở về trước). Trong khi đó, đối với một số loại công việc khác như nấu cơm, dọn nhà và giặt quần áo, tỷ lệ người chồng trong những gia đình trẻ thường xuyên thực hiện cũng nhiều hơn hẳn so với những gia đình cao tuổi hơn. Cụ thể, 14,7%, 22% và 12,6% số lượng người chồng trong các cặp kết hôn sau năm 1990 tham gia các công việc như nấu cơm, dọn nhà, giặt quần áo trong khi tỷ lệ này ở các cặp kết hôn trước năm 1981 là 11,1%, 8,1% và 9,1% và ở các cặp kết hôn trong khoảng từ 1981 đến 1990 là 5,2%, 8,2% và 6% (Bảng 3). Điều này cho thấy trong các gia đình trẻ, người chồng có xu hướng tham gia tích cực hơn vào một số công việc trong gia đình như nấu cơm, dọn nhà, giặt quần áo. Qua đó chúng ta có thể hy vọng sự bình đẳng giới trong việc thực hiện công việc gia đình ở thế hệ trẻ sẽ có những cải thiện rõ rệt và có ý nghĩa.

Bảng 3. Tương quan giữa thời gian kết hôn và người thường xuyên thực hiện công việc gia đình khi mới kết hôn (%)

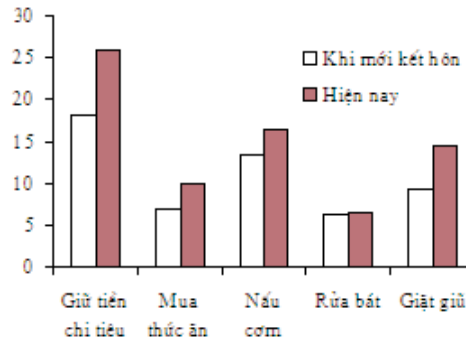
Người thường xuyên thực hiện	Loại hình công việc	Kết hôn trước năm 1981	Kết hôn từ 1981 – 1990	Kết hôn sau 1990	P
Vợ	Giữ tiền	46,5	60,4	61,0	0,016
	Mua thức ăn	59,6	74,6	77,2	0,001
Chồng	Nấu cơm	11,1	5,2	14,7	0,006
	Dọn nhà	8,1	8,2	22,0	0,000
	Giặt quần áo	9,1	6,0	12,6	0,003
Tổng (số hộ)		99	134	136	

Bảng 4. Người chủ yếu làm các công việc gia đình hiện nay (%)

Phân công lao động	Vợ	Chồng	Hai vợ chồng	Những người khác
Giữ tiền chi tiêu	68,6	14,9	13,3	3,3
Mua thức ăn	87,5	5,4	3,3	3,8
Nấu cơm	64,8	8,1	8,7	18,4
Rửa bát	63,3	1,9	4,9	29,9
Dọn nhà	59,6	8,1	12,2	20,1
Giặt giũ	69,4	3,3	10,1	17,1

Trong giai đoạn hiện tại của hôn nhân, việc đảm nhận chính các công việc trong gia đình đã có sự thay đổi đáng kể. Nếu khi mới kết hôn, tỷ lệ người vợ giữ vai trò chủ yếu trong việc giữ tiền chi tiêu và mua thức ăn lần lượt là 53,1% và 74,3% thì hiện nay, tỷ lệ này tăng lên 68,6% và 87,5%. Nguyên nhân là do số cặp sống chung với bố mẹ đã giảm đáng kể (trong số 289 trường hợp sống chung với bố mẹ khi mới kết hôn, chỉ còn 49 trường hợp tiếp tục sống chung, chiếm 17%). Đối với các công việc khác như nấu cơm, rửa bát, dọn nhà và giặt giũ, tỷ lệ người vợ đảm nhiệm chính công việc này đã giảm đi đáng kể so với thời điểm mới kết hôn do sự tham gia tương đối nhiều của những người khác trong gia đình, trong đó chủ yếu là con cái (Bảng 4).

Hình 1. Công việc người chồng thực hiện ở mức hàng ngày/tuần trong gia đình hiện nay (%)



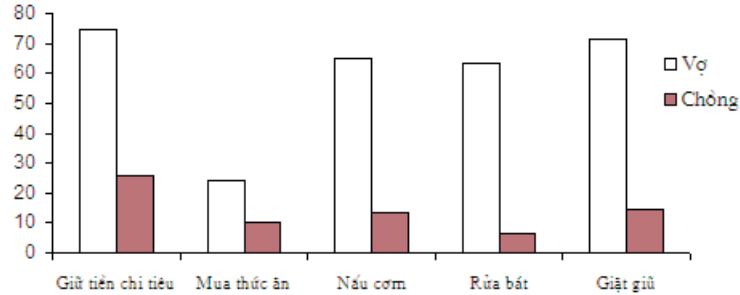
Bên cạnh đó, mức độ người chồng tham gia thường xuyên vào công việc nội trợ trong gia đình tăng lên. Đáng chú ý là tỷ lệ người chồng tham gia dọn nhà ở mức hàng ngày/tuần tăng lên hơn 4 lần (khi mới kết hôn là 12,5%; hiện nay là 53,9%). Riêng việc rửa bát là không có thay đổi đáng kể so với lúc mới kết hôn (Hình 1).

Tuy người chồng đã tham gia nhiều hơn vào công việc gia đình nhưng khoảng cách giữa vợ và chồng trong việc tham gia thường xuyên vào công việc nội trợ còn khá lớn. Số liệu so sánh ở hình 2 cho thấy mức độ thường xuyên (hàng ngày/tuần) đảm nhiệm công việc giữ tiền chi tiêu trong gia đình của người vợ cao gấp gần 3 lần; công việc nấu cơm và giặt giũ cao gấp 5 lần; công việc mua thức ăn cao gấp 8 lần và công việc rửa bát cao gấp 10 lần so với chồng.

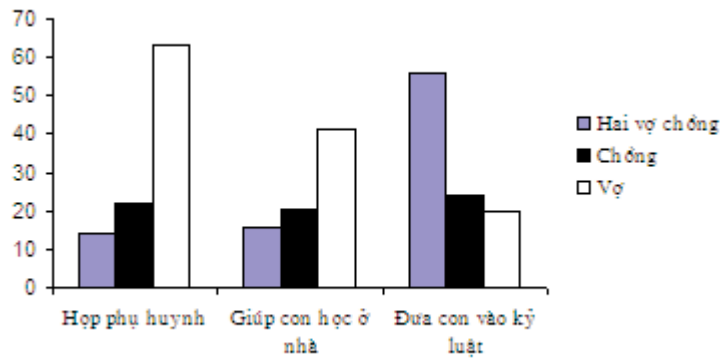
1.2 Trong dạy dỗ con cái

Số liệu khảo sát cho thấy có sự chênh lệch đáng kể giữa vợ và chồng trong việc dạy dỗ con cái. Đối với các hoạt động như họp phụ huynh học sinh và giúp con học thêm ở nhà, tỷ lệ người vợ đảm nhiệm chủ yếu công việc này đều cao gấp 2-3 lần so với người chồng. Cụ thể, tỷ lệ người vợ chủ yếu đi họp phụ huynh học sinh là 63,1% (149 trong tổng số 236 trường hợp) trong khi tỷ lệ này ở chồng là 22% (54 trường hợp). Tỷ lệ người vợ giúp con học thêm ở nhà là 41,2% (96 trong tổng số 233 trường hợp) trong khi tỷ lệ này ở chồng là 20,2% (47 trường hợp). Riêng hoạt động dạy bảo, đưa con vào kỷ luật có sự khá cân bằng giữa vợ và chồng (số lượng cả hai vợ chồng thực hiện công việc này là 131 trong tổng số

Hình 2. So sánh mức độ thực hiện công việc gia đình giữa vợ và chồng hiện nay (%)



Hình 3. Người chủ yếu làm các công việc dạy dỗ con cái trong gia đình (%)



235 trường hợp, chiếm 55,7%). Đặc biệt, trong hoạt động này, người chồng đã có sự tham gia nhiều hơn (23,8%) so với vợ (20%). Có thể do đàn ông cứng rắn và nghiêm khắc hơn nên con cái thường sợ và nghe lời: “Theo tôi nhận định thường thì mẹ hay nuông chiều con cái, cho nên con cái hay nghe bố hơn” (Thảo luận nhóm, nữ, đại diện Mặt trận Tổ quốc).

2. Bất bình đẳng trong việc đưa ra các quyết định giữa vợ và chồng

Trong bốn loại hình quyết định ở gia đình, cụ thể là công việc sản xuất, mua đồ đạc đắt tiền, quan hệ xã hội và quan hệ gia đình, số liệu khảo sát cho thấy người vợ chỉ quyết định nhiều hơn so với chồng trong công việc

sản xuất. Trong tổng số 367 trường hợp, có 148 trường hợp vợ quyết định nhiều hơn, chiếm 40,3% trong khi có 124 trường hợp chồng quyết định nhiều hơn, chiếm 33,8%. Nguyên nhân có thể là do nam giới ở nông thôn hiện nay có xu hướng tìm kiếm các công việc ngoài nông nghiệp để cải thiện thu nhập cho gia đình. Bởi vậy, phụ nữ trở thành người đảm nhiệm chính các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tại xã Phù Linh, chỉ có gần 1/2 số lượng người chồng làm nông nghiệp (172/351 người chồng, chiếm 49%) trong khi có tới 255/365 người vợ (chiếm 71,6%) làm công việc này.

“Nhà nông bây giờ đa số là đi kiếm thêm việc ở ngoài, bởi mùa màng không biết thế nào cả, lúc được mùa, lúc thất thu mà đa số là thất thu. Cho nên là toàn phải đi làm việc ngoài, đi làm thêm việc phụ” (Thảo luận nhóm, nữ, thôn Phù Mã).

Người chồng dường như được quyết định nhiều hơn vợ khi mua sắm các đồ đạc đắt tiền. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ chồng quyết định nhiều hơn vợ trong lĩnh vực này là 55,0% trong khi tỷ lệ vợ quyết định nhiều hơn chồng là 8,4%. Chỉ có khoảng 1/3 số người được hỏi (128 trường hợp, chiếm 34,7%) lựa chọn câu trả lời hai vợ chồng cùng quyết định mua sắm đồ đạc đắt tiền.

Ngoài ra, tỷ lệ hai vợ chồng có quyết định ngang nhau là khá cao đối với các quyết định liên quan đến các mối quan hệ xã hội của vợ, chồng cũng như các mối quan hệ trong gia đình, họ hàng (với tỷ lệ lần lượt là 63,1% và 55,4%). Tuy nhiên, nếu so sánh đối tượng được quyết định nhiều hơn thì rõ ràng người chồng vẫn có ưu thế hơn. Cụ thể, trong các mối quan hệ của vợ/chồng, có 22,2% trường hợp chồng quyết định nhiều hơn và

Bảng 5. Mức độ tham gia vào các quyết định trong gia đình (%)

Nội dung	Chồng QĐ nhiều hơn	Vợ QĐ nhiều hơn	Hai vợ chồng bằng nhau	Người khác	Không trả lời	Không biết
Công việc sản xuất	33,8	40,3	21,3	1,6	2,7	0,3
Mua đồ đạc đắt tiền	55,0	8,4	34,7	1,6	0,3	0,0
Quyết định trong quan hệ xã hội	22,2	14,4	63,1	0,3	0,0	0,0
Quyết định quan hệ trong gia đình, họ hàng	34,5	7,9	55,4	2,2	0,0	0,0

14,4% trường hợp vợ quyết định nhiều hơn. Đối với các mối quan hệ trong gia đình, họ hàng, tỷ lệ chồng được quyết định nhiều hơn là 34,5%, cao gấp 4 lần so với tỷ lệ vợ được quyết định nhiều hơn (Bảng 5).

3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự bất bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng

Tìm kiếm nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng từ số liệu định lượng, kết quả khảo sát cho thấy, đối với phân công lao động trong gia đình, các yếu tố về tuổi, học vấn, thu nhập, nghề nghiệp đều không có mối quan hệ có ý nghĩa về mặt thống kê (kiểm định thống kê cho xác suất $P > 0,05$). Kết quả này rất khác biệt so với kết quả của một số nghiên cứu khác. Ví dụ, trong nghiên cứu của Vũ Tuấn Huy và Deborah S. Carr (2000) về “Phân công lao động nội trợ trong gia đình”, phân tích mô hình tác động giữa một số biến số với các công việc nội trợ trong gia đình mà người vợ thường phải thực hiện cho thấy yếu tố về nhân khẩu học (tuổi của vợ) và các yếu tố chi phí cơ hội (học vấn và nghề nghiệp) có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện công việc gia đình của người vợ. Tuy nhiên, ở Phù Linh, sở dĩ các yếu tố về tuổi, học vấn, thu nhập, nghề nghiệp không có tác động đáng kể đến việc thực hiện công việc gia đình là do bản thân yếu tố học vấn và thu nhập giữa vợ và chồng cũng không có sự khác biệt lớn. Về học vấn, có khoảng 1/2 số vợ và chồng ở xã Phù Linh cùng có trình độ trung học cơ sở. Về thu nhập, thu nhập bình quân của người chồng là 14.972.000 đồng/năm trong khi thu nhập bình quân của người vợ là 11.083.000 đồng/năm. Vậy, yếu tố nào có tác động đến sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng ở Phù Linh từ khi kết hôn đến nay?

Trở lại kết quả nghiên cứu ban đầu, có thể thấy “những người khác” có vai trò khá lớn trong công việc gia đình. Vấn đề này cũng được chỉ ra trong nghiên cứu của Vũ Tuấn Huy và Deborah S. Carr khi hai ông phân tích sự tác động của các nguồn trợ giúp khác (bao gồm số con, tuổi và giới tính của con) đến mức độ thực hiện các công việc gia đình của người vợ. Với nghiên cứu ở xã Phù Linh, thời điểm khi mới kết hôn, những người khác tham gia vào công việc gia đình chủ yếu là bố mẹ. Do vậy, mô hình sống sau khi kết hôn có ý nghĩa đáng kể về mặt thống kê đối với việc phân công các công việc nội trợ trong gia đình. Ở mô hình sống riêng khi mới kết hôn, có tới 71,4% các hộ gia đình có vợ là người đảm nhiệm chính việc giữ tiền (55 trong tổng số 77 trường hợp). Trong khi đó, tỷ lệ này ở mô hình sống chung là 48,1% (139 trong tổng số 289 trường hợp). Trong số

các gia đình sống chung, khoảng 1/3 có người khác (không phải vợ hoặc chồng) đảm nhiệm giúp công việc giữ tiền chi tiêu và mua thức ăn. Trong đó, 97 trên tổng số 289 trường hợp đảm nhiệm công việc giữ tiền, chiếm 33,6% và 73 trên tổng số 289 trường hợp đảm nhiệm công việc mua thức ăn, chiếm 25,3% ($P=0,000$).

Mô hình sống sau khi kết hôn cũng có ý nghĩa đáng kể đối với việc chia sẻ công việc nấu cơm và dọn dẹp nhà cửa giữa hai vợ chồng. Cụ thể, ở gia đình sống riêng, tỷ lệ lựa chọn câu trả lời “hai vợ chồng bằng nhau” trong việc nấu cơm và dọn nhà lần lượt là 13% và 15,9%. Tuy nhiên, ở gia đình sống chung với bố mẹ sau khi kết hôn, tỷ lệ lựa chọn câu trả lời “hai vợ chồng bằng nhau” trong thực hiện các công việc trên giảm đáng kể, lần lượt là 5,2% và 9,3%. Ở các gia đình này, người đảm nhiệm các công việc chủ yếu là các bậc phụ huynh.

Như vậy, việc sống chung cùng bố mẹ có ảnh hưởng đáng kể tới phân công lao động trong gia đình khi mới kết hôn. Hiện nay, có khá ít các cặp sống chung với bố mẹ (49/369 hộ gia đình, chiếm 13%). Giờ đây, người chia sẻ các công việc gia đình không phải là bố mẹ mà là con cái. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ những người khác đảm nhiệm các việc lần lượt là: nấu cơm 18,4%, trong đó tỷ lệ các con thực hiện là 17,1%; rửa bát 29,9% và 29,2%; dọn nhà 20,1% và 20,0%; giặt giũ 17,1% và 16,5%.

Do con cái tham gia khá nhiều vào các công việc trong gia đình nên độ tuổi của con cái là một yếu tố quan trọng. Kết quả phân tích số liệu cho thấy đối với các gia đình có con dưới 10 tuổi hoặc không có con, tỷ lệ những người khác tham gia vào việc nhà đều bằng 0. Trong khi đó, ở các gia đình có con từ 10 tuổi trở lên, tỷ lệ người khác tham gia vào công việc gia đình tăng lên đáng kể. Đây là một yếu tố góp phần giảm bớt gánh nặng công việc gia đình cho người phụ nữ (Bảng 6).

Đối với việc ra quyết định trong gia đình, cũng giống như đối với phân công lao động trong gia đình, yếu tố thu nhập và học vấn đều không có quan hệ đáng kể về mặt thống kê. Kết quả phân tích trong phần 2 về tình trạng bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc ra quyết định cho thấy người chồng được quyết định phần lớn công việc ở gia đình ngoại trừ công việc sản xuất. Lý giải điều này, kiểm định thống kê cho thấy yếu tố nghề nghiệp ảnh hưởng đáng kể tới việc ra các quyết định sản xuất (còn đối với các quyết định khác, yếu tố nghề nghiệp không có ý nghĩa đáng kể). Cụ thể, đối với những gia đình có vợ làm nông nghiệp, tỷ lệ “vợ quyết định nhiều hơn” là 48,2% trong khi tỷ lệ “chồng quyết định nhiều hơn” là 29,8%. Điều này được chứng minh rõ hơn qua xem xét tương quan giữa nghề nghiệp của vợ,

Bảng 6. Tương quan tuổi của con và người thực hiện chủ yếu các công việc gia đình (%)

Công việc	Người thực hiện công việc	Gia đình chỉ có 2 vợ chồng	Gia đình chỉ có con từ 10 tuổi trở xuống	Gia đình có cả con dưới 10 tuổi và trên 10 tuổi	Gia đình chỉ có con trên 10 tuổi	P-value
Nấu cơm	Chồng	24,0	7,7	6,3	7,3	0,002
	Vợ	64,0	82,1	61,1	63,7	
	Hai vợ chồng bằng nhau	12,0	10,3	7,9	8,4	
	Người khác	0,0	0,0	24,6	20,7	
Rửa bát	Chồng	8,0	2,6	0,8	1,7	0,000
	Vợ	76,0	89,7	63,5	55,6	
	Hai vợ chồng bằng nhau	16,0	7,7	2,4	4,5	
	Người khác	0,0	0,0	33,3	38,2	
Dọn nhà	Chồng	16,0	5,1	7,1	8,4	0,003
	Vợ	72,0	74,4	61,1	53,6	
	Hai vợ chồng bằng nhau	12,0	20,5	9,5	12,3	
	Người khác	0,0	0,0	22,2	25,7	
Giặt giũ	Chồng	4,0	5,1	2,4	3,4	0,021
	Vợ	84,0	84,6	69,6	64,2	
	Hai vợ chồng bằng nhau	12,0	10,3	6,4	12,3	
	Người khác	0,0	0,0	21,6	20,1	
Tổng số hộ		25	39	126	179	

chồng và việc ra các quyết định trong gia đình. Đối với các gia đình chỉ có một người (vợ hoặc chồng) tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp thì người nào làm nghề nông sẽ quyết định công việc sản xuất. Đối với các gia đình hai vợ chồng cùng làm các ngành nghề phi nông nghiệp thì chồng quyết định nhiều hơn. Tuy nhiên, đối với các gia đình hai vợ chồng cùng làm nông nghiệp thì tỷ lệ người vợ quyết định hoạt động sản xuất nông nghiệp nhiều hơn chồng. Điều đó cho thấy vai trò khá lớn của phụ nữ trong việc quyết định hoạt động sản xuất nông nghiệp hiện nay ($P=0.000$).

**Bảng 7. Tương quan giữa nghề nghiệp của vợ, chồng và việc
đưa ra quyết định sản xuất trong gia đình (%)**

Người quyết định nhiều hơn	Cùng làm nghề phi nông nghiệp	Vợ làm phi nông nghiệp, chồng làm nông nghiệp	Chồng làm phi nông nghiệp, vợ làm nông nghiệp	Cùng làm nông nghiệp
Chồng nhiều hơn vợ	39,0	66,7	22,5	35,5
Vợ chồng bằng nhau	19,5	26,7	14,6	26,5
Vợ nhiều hơn chồng	23,2	6,7	62,9	38,1
Người khác	6,1	0,0	0,0	0,0
Không trả lời	11,0	0,0	0,0	0,0
Không biết	1,2	0,0	0,0	0,0
Tổng (số hộ)	83	15	89	155

Cùng với các số liệu định lượng, phân nghiên cứu định tính cho thấy ảnh hưởng sâu sắc của các định kiến giới truyền thống đến suy nghĩ và hành động trong quan hệ giữa vợ và chồng ở khu vực nông thôn. Công việc nội trợ nhìn chung vẫn được xem như những việc nhẹ nhàng và của phụ nữ. Bên cạnh đó, người ta quan niệm đàn ông mới là người đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các quyết định lớn trong gia đình.

“Tôi thì làm những công việc nặng, xúc vác, phải lo kinh tế gia đình, phải dẫn đo suy nghĩ xem làm thế nào phát triển chút... Cơm canh chút có phải việc gì nặng nhọc đâu mà yêu cầu...” (Phỏng vấn sâu, nam, 38 tuổi, thôn Vệ Linh).

“Đấy là công việc của chúng tôi. Thì tự mình thấy đấy là trách nhiệm của mình... Trước kia chưa lấy chồng thì cũng không nghĩ thế. Bây giờ lấy chồng rồi thì nghĩ rằng mình cũng vì chồng vì con thôi” (Thảo luận nhóm, nữ, thôn Phù Mã).

“Tôi cũng chẳng có ý kiến gì bởi đàn ông đúng là thường làm những việc quan trọng, gánh vác những cái lớn lao” (Thảo luận nhóm, nữ, thôn Phù Mã).

Những quan điểm, suy nghĩ như trên khiến người dân chưa nhận thức đầy đủ về bình đẳng giới và ý nghĩa của nó. Chính điều này đã hạn chế họ có những hành động tích cực và chủ động nhằm thu hẹp những khác biệt giới giữa vợ và chồng.

Kết luận và đề xuất

So với thời điểm mới kết hôn, tình trạng bất bình đẳng giới trong phân công lao động giữa vợ và chồng đã được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ người chồng tham gia vào công việc nội trợ đã tăng lên tuy mức chênh lệch giữa vợ và chồng vẫn còn rất lớn. Vợ vẫn là người đảm nhiệm hầu hết các công việc nội trợ trong gia đình. Gánh nặng này được giảm nhẹ một phần khi có sự tham gia của các thành viên khác trong gia đình (cha mẹ hoặc con cái lớn). Nhìn chung người chồng vẫn có tiếng nói hơn trong việc quyết định các công việc gia đình, ngoại trừ công việc sản xuất.

Về nguyên nhân, bên cạnh yếu tố cấu trúc gia đình ảnh hưởng đến phân công lao động gia đình và yếu tố nghề nghiệp của người vợ ảnh hưởng đến việc ra các quyết định sản xuất thì yếu tố văn hóa truyền thống cũng ảnh hưởng sâu sắc đến quan niệm của người dân (cả phụ nữ và nam giới). Phần lớn người dân quan niệm công việc nội trợ và chăm sóc con cái là trách nhiệm, bổn phận của người vợ. Họ không coi đó là bất bình đẳng mà là một lẽ hiển nhiên trong đời sống. Bởi vậy, để cải thiện tình trạng bất bình đẳng giữa vợ và chồng, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của người dân về vai trò giới và bình đẳng giới. Chỉ khi có quan niệm đúng về vai trò giới và bình đẳng giới, người dân mới có thể có những hành vi chủ động và tích cực nhằm nâng cao bình đẳng giới trong chính gia đình của mình.

Có khá nhiều các nghiên cứu thực tiễn tìm hiểu tác động của các yếu tố học vấn, nghề nghiệp, kinh tế, độ tuổi, cấu trúc gia đình... đến hiện tượng bất bình đẳng giới được thực hiện trong những năm gần đây. Tuy nhiên, những nghiên cứu nhằm làm rõ tác động của yếu tố văn hóa tới quan niệm của người dân về tình trạng bất bình đẳng giới trong gia đình vẫn còn bị bỏ ngỏ. Do vậy, việc tiến hành những nghiên cứu thực tiễn sử dụng các công cụ nghiên cứu định lượng, định tính nhằm tìm hiểu tác động của yếu tố văn hóa tới tình trạng bất bình đẳng giới trong gia đình nông thôn là điều cần thiết, có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. ■

Tài liệu tham khảo

Khoá học Phương pháp Nghiên cứu liên ngành Khoa học Xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam. 2007. Số liệu khảo sát Nghiên cứu gia đình nông thôn Việt Nam 2007.

Vũ Tuấn Huy và Deborah S. Carr. 2000. “Phân công lao động nội trợ trong gia